

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2022/DS-PT

Ngày: 21/7/2022

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính;

Các thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt;

Ông Nguyễn Lê Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Liêm- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 94/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2022/QĐXXPT-DS ngày 10/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông **Lý Thành S**, sinh năm 1962.

1.2 Bà **Trần Thị Kim T**, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Hoàng Â**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Võ Phát T** – Văn phòng Luật sư Đức T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1 Ông **Trần Thanh S**, sinh năm 1966.

2.2 Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lý Thành S, bà Trần Thị Kim T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 06/12/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền nguyên đơn ông Lê Hoàng Á trình bày:

Vợ chồng ông Lý Thành S, bà Trần Thị Kim T với vợ chồng ông Trần Thanh S, bà Lê Thị P là láng giềng quen biết. Do vợ chồng ông Thanh S, bà P cần vốn làm ăn nên ngày 09/02/2018 âm lịch có vay của ông Thành S, bà T số tiền 596.000.000 đồng. Sau đó vay thêm 34.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần vay là 630.000.000 đồng, lãi suất là 2%/tháng. Sau khi nhận tiền ông Thanh S và bà P có lập biên nhận cho ông Thành S, bà T để làm cơ sở. Thời hạn vay là khi nào ông Thành S, bà T cần lấy lại tiền thì thông báo trước một tháng sẽ trả. Từ ngày vay đến nay ông Thanh S, bà P đóng lãi được 02 tháng thì ngưng. Từ tháng 04/2018 âm lịch ông Thanh S, bà T có yêu cầu ông Thanh S, bà P hoàn trả 630.000.000 đồng vốn và lãi nhưng ông Thanh S, bà P không thực hiện. Nay ông Thành S, bà T yêu cầu vợ chồng ông Thanh S và bà P trả 630.000.000 đồng vốn và lãi 1,6%/tháng từ ngày 09/4/2018 âm lịch đến khi xét xử xong vụ án yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 10/01/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Thanh S trình bày:

Thời gian năm 2012 ông và vợ là bà Lê Thị P có vay của ông Thành S, bà Tiếng số tiền 96.000.000 đồng với lãi mỗi tháng 1.000.000 đồng vốn tiền lãi là 45.000 đồng. Ông với bà P có làm biên nhận cho bà Tiếng nợ 96.000.000 đồng vào ngày 09/02/2018 âm lịch biên nhận là do ông viết. Ông, bà P có đóng lãi hàng tháng cho ông Thành S, bà T mà không có ghi giấy ký nhận cho ông. Đến cuối năm 2020 đến năm 2021 ông không có đóng lãi cho bà T. Bà T có yêu cầu ông làm lại biên nhận cộng vốn lãi tổng cộng là 630.000.000 đồng ông không đồng ý. Biên nhận có ghi thêm số 5 phía trước số tiền 96.000.000 đồng và chữ “Năm” trước “Chín mươi sáu triệu đồng chẵn” là do bà P ghi vô thêm theo yêu cầu của bà T sau khi ông viết biên nhận, ông hoàn toàn không biết. Bà T kêu vợ ông ký tên vô rồi trả vốn lần lần cũng được và vợ ông đã ký nhận. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông đồng ý cùng bà P trả số tiền 630.000.000 đồng cho phía nguyên đơn nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng và xin không tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 10/01/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị P trình bày:

Bà thống nhất như lời trình bày của ông Thanh S. Ngày 09/02/2018 âm lịch, vợ chồng bà với vợ chồng bà T thống nhất số nợ còn thiếu là 96.000.000 đồng nên ông S chồng bà viết giấy nợ giao cho vợ chồng bà T giữ. Từ đó, không có trả lãi nên vợ chồng bà T kêu bà viết thêm số 5 và chữ “Năm” vào biên nhận ngày 09/2/2018 âm lịch, bà cũng không nhớ thời gian nào và cũng không có sự đồng ý của chồng bà. Sau đó, vợ chồng bà T yêu cầu bà viết thêm một biên nhận mới với xóa nợ 630.000.000 đồng cũng không nhớ rõ thời gian

và không có sự đồng ý của chồng bà. Bà cũng đồng ý trả số tiền 630.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng và xin không tính lãi.

Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 92; Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý Thành S và bà Trần Thị Kim T, đại diện ủy quyền là ông Lê Hoàng A.

- Buộc ông Trần Thanh S cùng vợ là bà Lê Thị P trả cho ông Lý Thành S, bà Trần Thị Kim T số tiền 166.656.000đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi sáu ngàn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Lý Thành S và bà Trần Thị Kim T yêu cầu ông Trần Thanh S và bà Lê Thị P trả thêm số tiền là 927.024.000 đồng (Chín trăm hai mươi bảy triệu không trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày Ông Thành S, bà T có đơn yêu cầu thi hành án vợ chồng ông Thanh S, bà P chậm thực hiện còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Ông Trần Thanh S và bà Lê Thị P phải chịu 8.333.000đ (Tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lý Thành S và bà Trần Thị Kim T phải chịu 39.811.000đ (Ba mươi chín triệu tám trăm mười một ngàn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 14.600.000đ (Mười bốn triệu sáu trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0001051 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tỉnh Tiền Giang nên phải nộp tiếp số tiền là 25.211.000đ (Hai mươi lăm triệu hai trăm mười một ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án của đương sự.

Ngày 04/4/2022, nguyên đơn ông Lý Thành S, bà Trần Thị Kim T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông A trình bày: Ông A xin thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về mức lãi suất là 0,833% và thời gian tính lãi là 12 tháng tròn, tính từ tháng 3/2021 đến ngày xét xử 30/3/2022, không có cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ mới.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ý kiến: Bị đơn bà Lê Thị P đã thừa nhận có ký nhận nợ nguyên đơn số tiền 630.000.000 đồng vào tháng 3/2021, sau đó bà P có nói cho chồng bà là ông Nguyễn Thanh S biết nên

ông bà phải có trách nhiệm liên đới trả vốn 630.000.000 đồng và lãi cho nguyên đơn từ tháng 3/2021 đến ngày xét xử 30/3/2022 tính tròn 12 tháng với lãi suất 0,833%. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bà Lê Thị P trình bày: Bà thừa nhận khoản tháng 3/2021, bà có viết biên nhận nợ nguyên đơn số tiền 630.000.000 đồng nhưng trong biên nhận không để ngày, tháng, năm. Nay bà xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, bắt đầu khi án có hiệu lực pháp luật đến khi đủ số tiền 630.000.000 đồng và xin không trả lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh S trình bày: Tôi đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1.1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự là có căn cứ.

[1.2]. Xét thời hạn kháng cáo: Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 04/4/2022 và biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm của nguyên đơn ông Lý Thành S, bà Trần Thị Kim T thì kháng cáo còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lý Thành S, bà Trần Thị Kim T về việc sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xét tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn thay đổi một phần kháng cáo về yêu cầu tính lãi với số tiền gốc 630.000.000 đồng, mức lãi suất 0,833%, thời gian tính tròn 12 tháng từ tháng 3/2021 đến ngày 30/3/2022. Xét đây là sự tự nguyện của bị đơn và không vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận.

[2.2]. Căn cứ vào lời thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn Lê Thị P đồng ý trả số tiền 630.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn do tháng 3/2021 bà có viết biên nhận nợ cho ông Lý Thành S và bà Trần Thị Kim T số nợ trên nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng và xin không tính lãi. Bị đơn Trần Thanh S chỉ đồng ý trả số tiền 96.000.000 đồng do ông có viết biên nhận, còn số tiền 630.000.000 đồng vợ ông là bà Lê Thị P viết biên nhận

cho nguyên đơn ông không biết, chỉ biết khi nguyên đơn khởi kiện nên không đồng ý liên đới cùng bà P trả.

[2.2]. Bị đơn Lê Thị P đã thừa nhận có viết biên nhận nợ ông Lý Thành S và bà Trần Thị Kim T số tiền 630.000.000 đồng, căn cứ vào khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà P có nợ của ông Lý Thành S và bà T số tiền 630.000.000 đồng. Xét yêu cầu của bà P xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng là cố tình kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn và không được đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Á đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Xét việc ông Trần Thanh S không đồng ý cùng bà P liên đới trả số tiền 630.000.000 đồng cho nguyên đơn là không có cơ sở vì ông và bà P từ thời điểm vay tiền của nguyên đơn đến hiện tại là vợ chồng hợp pháp, ông S không có căn cứ chứng minh bà P sử dụng số tiền vay nêu trên cho mục đích cá nhân nào của bà P. Mặt khác, cả ông Trần Thanh S và bà Lê Thị P đều thừa nhận mục đích vay tiền của nguyên đơn là để có vốn kinh doanh phát triển kinh tế của gia đình. Căn cứ khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản đối với nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông Trần Thanh S liên đới cùng bà P trả tiền vay cho nguyên đơn là có căn cứ.

[2.4]. Đại diện nguyên đơn cho rằng lãi thỏa thuận khi vay là 02%/tháng nhưng chỉ yêu cầu tính lãi suất 0,833% tháng, tính từ tháng 3/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 30/3/2022, tính tròn 12 tháng, bị đơn xin không tính lãi vì cho rằng đã đóng lãi quá nhiều (45.000 đồng/1.000.000 đồng/ tháng = lãi suất 4,5%/tháng). Đại diện nguyên đơn không thừa nhận việc bị đơn có đóng lãi, bị đơn cũng không có chứng cứ chứng minh có việc đóng lãi. Do không bên nào có chứng cứ chứng minh rõ lãi suất và có tranh chấp về mức lãi suất, nên mức lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10% trên năm (tính ra tháng là $10\% : 12 \text{ tháng} = 0,833\%$). Biên nhận số tiền 630.000.000 đồng không ghi rõ ngày tháng năm nên căn cứ vào lời thừa nhận của bị đơn bà Lê Thị P xác định thời điểm vay 630.000.000 đồng là tháng 3/2021, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/3/2022 là tròn 12 tháng. Tiền lãi $630.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 12 \text{ tháng} = 62.975.000 \text{ đồng}$.

[3]. Từ những phân tích trên, Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vốn vay 630.000.000 đồng, tính lãi suất căn cứ theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là chưa xem xét đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ khách quan của vụ án nên cần sửa bản án sơ thẩm cho phù hợp.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 92; Điều 271, 272, 273, khoản 2 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lý Thành S, bà Trần Thị Kim T; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Thành S và bà Trần Thị Kim T.

- Buộc ông Trần Thanh S và bà Lê Thị P có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lý Thành S, bà Trần Thị Kim T số tiền 630.000.000 đồng tiền vốn vay và 62.975.000 đồng tiền lãi, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày ông Lý Thành S, bà T có đơn yêu cầu thi hành án vợ chồng ông Trần Thanh S, bà P chậm thực hiện còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1. 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Thanh S và bà Lê Thị P phải liên đới chịu 31.719.000 đồng.

- Ông Lý Thành S và bà Trần Thị Kim T không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 14.600.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001051 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Lý Thành S, bà Trần Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho ông Lý Thành S, bà Trần Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009523 ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

Trần Hữu Tính